

Bản án số: 461/2026/DS-PT

Ngày: 09 - 7- 2026

V/v yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở, gây khó khăn đối với việc
thực hiện quyền của người sử dụng
đất và bồi thường thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí;

Bà Đinh Cẩm Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuỷ Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/TB-TLVA ngày 04 tháng 5 năm 2026 về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 349/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị B, sinh năm 1956; Căn cước công dân số: 095156004626; cấp ngày: 11/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm: 1990; Căn cước công dân số: 095090011079; cấp ngày: 11/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản uỷ quyền ngày 06/02/2024) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Thanh T, sinh năm: 1955; Căn cước công dân số: 095055004606; cấp ngày: 11/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Văn V1, Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Kim B1, sinh năm 1956; Cư trú tại: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Kim B1: ông Nguyễn Trung K, Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Chị Vũ Xuân T1, sinh năm 1982 (có mặt).

Anh Vũ Sắc T2, sinh năm 1993 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau.

- *Do có kháng cáo của:* Bà Dương Thị B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Dương Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Vũ Thanh T phải chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà B khôi phục lại bờ đất của gia đình bà B mà ông T đã thuê xáng cuộc phá bỏ (qua đo đạc thực tế có diện tích 3,98m²) đồng thời phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà B số tiền là 100.000.000 đồng do việc ông T phá bỏ bờ đất nêu trên đã gây thiệt hại cho việc nuôi tôm của gia đình bà B số tiền khoảng 100.000.000 đồng. Ngoài ra bà B không có yêu cầu gì khác.

Vào ngày 31/01/2024, ông T thuê xáng cuộc phá bỏ bờ đất của gia đình bà B. Bờ đất mà ông T thuê xáng cuộc phá bỏ của gia đình bà B nêu trên đến thời điểm hiện tại gia đình bà B vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên phần đất này đã được chồng bà B là ông Trần Văn H đăng ký đứng tên trên sổ địa chính, trước khi bị phá bỏ trên bờ đất này có cặm 01 cây trụ đá ở giữa bờ (trụ đá này được cặm vào năm 2014 và do chính quyền địa phương lúc đó là ông Lê Thanh P là trưởng ấp, ông Dương Thanh L là Bí thư chi bộ, ông Nguyễn Thanh L1 là Trưởng công an xã, ông Hai H1 (tôi không rõ họ tên ông Hai H1, ông H1 là bên Hội cựu chiến binh ấp)... trực tiếp cặm sau khi hai bên gia đình thống nhất ranh đất. Mặc khác, vào năm 2014, sau khi đã cặm trụ đá phân ranh xong ông Vũ Thanh T có khởi kiện chồng bà B là ông Trần Văn H (ông H đã chết vào năm 2018) yêu cầu ông H phải giao trả cho ông T phần đất có tổng diện tích qua đo đạc thực tế là 1.120,3m² tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Vụ kiện sau đó được Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm tại bản án số 34/2016/DS-ST ngày 29/09/2016 và được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm tại bản án số 41/2017/DS-PT ngày 10/05/2017. Cả hai bản án đều xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi đất của ông Vũ Thanh T. Phần bờ đất mà ông T thuê xáng cuộc phá bỏ nêu trên nằm một phần trong tổng diện tích đất 1.120,3m² mà trước đây ông

T khởi kiện ông H và không được Tòa án chấp nhận nêu trên, cụ thể trước đây Tòa án đã giải quyết phần bờ do bà B quản lý sử dụng, còn phần bờ bên phía bên ông T quản lý sử dụng thì không có giải quyết tại vì trước đây ông T kiện đòi ông H giao trả phần đất tính từ ranh trụ đá do hai bên thống nhất cặm với sự chứng kiến của chính quyền địa phương vào năm 2014 trở qua bên đất của ông H, bà B. Do không hiểu biết pháp luật nên từ khi Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi đất của ông T đến nay gia đình bà B vẫn chưa đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 1.120,3m² nêu trên.

Tòa án có thể xác minh những người công tác ở ấp trước đây từng tham gia hòa giải vụ việc tranh chấp giữa ông T với ông H như ông Lê Thanh P (hiện tại là trưởng ấp T), ông Dương Thanh L (trước đây cũng từng công tác ở ấp nhưng tôi không nhớ rõ chức vụ) biết rõ phần đất mà ông T thuê xáng cuộc phá bỏ của gia đình bà B vào ngày 31/01/2024 do gia đình bà B quản lý, sử dụng từ trước đến nay và chính là phần đất mà ông T đã khởi kiện ông H vào năm 2014 nhưng không được Tòa án chấp nhận yêu cầu. Phần bờ đất mà ông T đã thuê xe cuộc phá bỏ nêu trên bên ông T cũng không có sử dụng, tuy nhiên khi gia đình bà B đắp lại thì vợ chồng ông Vũ Thanh T, bà Nguyễn Thị B2 cùng 02 người con của vợ chồng ông T là chị Vũ Xuân T1 và anh Vũ Sắc T2 ngăn cản không cho đắp lại bờ đất này.

Mặc khác, việc ông T thuê xáng cuộc phá bỏ bờ đất của gia đình bà B nêu trên làm cho việc bơm nước từ kênh Xã Thoàn lên phần đất nuôi tôm của bà B ở sau hậu gặp nhiều khó khăn (khi bơm nước lên thì dòng nước cứ chảy qua bên đất của ông T mà không chảy vào phần đất sau hậu của gia đình bà B) làm cho vuông tôm của bà B không đủ nước dẫn đến bị xì phèn làm cho tôm chết, trong khi trước đó gia đình bà B đã đầu tư con giống, phân vôi với số tiền khoảng 100.000.000 đồng.

Ngoài ra bà B không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Vũ Thanh T trình bày: Ông T không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B. Phần bờ đất mà ông T thuê xáng cuộc phá bỏ (qua đo đạc thực tế có diện tích 3,98m²) không phải là bờ đất chung giữa gia đình ông T và gia đình bà B. Toàn bộ phần bờ đất mà ông T thuê xáng cuộc phá bỏ này là của ông T. Trước khi phá bỏ trên bờ đất này hoàn toàn không có cặm trụ đá nào. Phần bờ đất mà ông T thuê xáng cuộc phá bỏ nêu trên hoàn toàn không có nằm trong phần đất tranh chấp giữa ông T với ông Trần Văn H (ông H là chồng của bà B) đã được Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử vào năm 2016 - 2017. Phần đất tranh chấp giữa ông T với ông H trước đây được Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử vào năm 2016 - 2017 chính là con mương có bề ngang khoảng 03m nằm tiếp giáp với phần bờ đất mà ông T đã thuê xáng cuộc phá bỏ nêu trên. Còn phần bờ đất nêu trên từ trước đến nay không có tranh chấp. Ông T không biết lý do vì sao phần bờ đất mà ông T thuê xáng cuộc phá bỏ nêu trên qua đo đạc cơ quan chuyên môn kết luận có một phần diện tích nằm tại thửa 109, tờ bản đồ số 28 do bà Dương Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ địa chính năm 1993, còn theo hồ sơ địa chính năm 2009 thì nằm một phần tại thửa 338, tờ bản đồ số 07 diện tích 2,14m² do hộ ông Trần Văn H đứng tên trên sổ mục kê. Toàn bộ phần bờ đất mà tôi thuê xáng cuộc phá bỏ

nêu trên là đất của tôi. Khi gia đình bà B đắp lại phần bờ đất mà ông T thuê xáng cuốc phá bỏ nêu trên thì ngoài ông T còn có vợ ông là bà Nguyễn Kim B1, hai người con của vợ chồng ông T là chị Vũ Xuân T1 và anh Vũ Sắc T2 cùng tham gia ngăn cản không cho gia đình bà B đắp lại bờ đất nêu trên. Ngoài ra ông T không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Kim B1, chị Vũ Xuân T1, anh Vũ Sắc T2 thống nhất trình bày: Bà B1 là vợ của ông T còn chị T1 và anh T2 là các con của ông T, bà B1. Bà B1, chị T1 và anh T2 thống nhất với ý kiến trình bày của ông Vũ Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau, đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu gia đình ông Vũ Thanh T chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà B khôi phục lại bờ đất mà ông T đã thuê xáng cuốc phá bỏ.

Buộc ông Vũ Thanh T, bà Nguyễn Kim B1, chị Vũ Xuân T1, anh Vũ Sắc T2 phải chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà Dương Thị B đắp lại phần bờ đất có diện tích 2,14m² ...

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu gia đình ông Vũ Thanh T chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà B khôi phục lại bờ đất có diện tích 1,84m² ...

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu ông Vũ Thanh T phải bồi thường thiệt hại cho bà B số tiền là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 bà Dương Thị B là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông Vũ Thanh T bồi thường cho bà số tiền là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Trần Văn V là đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xác định do ông T phá bỏ bờ ranh, ngăn cản bà B đắp lại bờ nên gây thiệt hại cho việc nuôi tôm của bà B. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Thanh T trình bày: Do bản án tranh chấp đất xác định phần đất thuộc về ông T nên ông T phá dỡ bờ là không sai. Bà B không chứng minh được thiệt hại có xảy ra, không cung cấp tài liệu chứng cứ các cơ quan chức năng xác định nguyên nhân tôm chết. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Kim B1 gửi Luận cứ bảo vệ, xác định:

Bà B không có chứng cứ xác định việc tôm của bà chết có lỗi do ông T gây ra, trong khi đó bà B cũng không có giấy tờ của cơ quan chuyên môn kết luận nguyên nhân tôm chết là do bị xì phèn hay không mà bà B cho rằng bằng kinh nghiệm cá nhân nuôi tôm của bà B thì do bơm không đủ nước nên đất bị xì phèn làm cho tôm chết nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2026/DS-ST ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Dương Thị B là nguyên đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Bà Nguyễn Kim B1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ông Nguyễn Trung K có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 09/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B, buộc ông Vũ Thanh T, bà Nguyễn Kim B1, chị Vũ Xuân T1 và anh Vũ Sắc T2 chấm dứt hành vi cản trở đối với phần bờ đất diện tích 2,14m²; không chấp nhận yêu cầu của bà B đối với phần diện tích 1,84m² và không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Dương Thị B chỉ kháng cáo đối với phần bản án không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại 100.000.000 đồng; các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật và Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của bà Dương Thị B:

Bà B cho rằng việc ông T phá bỏ bờ đất và ngăn cản gia đình bà đắp lại bờ đất đã làm cho việc dẫn nước vào vuông tôm gặp khó khăn, dẫn đến vuông tôm bị xì phèn, tôm chết, gây thiệt hại khoảng 100.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số lượng tôm bị thiệt hại, giá trị thiệt hại, cũng như không có cơ quan chuyên môn nào kiểm tra, lập biên bản hoặc kết luận nguyên nhân tôm chết là do thiếu nước, xì phèn phát sinh từ việc bị đơn phá bỏ bờ đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà B cũng thừa nhận việc xác định nguyên nhân tôm chết do xì phèn chỉ là kinh nghiệm thực tế trong quá trình nuôi tôm của gia đình bà B, chứ không có kết luận của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền. Do đó, lời trình bày của bà B chỉ là suy đoán chủ quan, không đủ căn cứ xác định có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của ông T và thiệt hại mà bà B yêu cầu bồi thường.

Theo quy định tại các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đủ các yếu tố gồm: có thiệt hại thực tế xảy ra, có hành vi trái pháp luật, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại, đồng thời có lỗi của người gây thiệt hại. Trong vụ án này, bà B không chứng minh được thiệt hại thực tế (biên bản của cơ quan chức năng về việc tôm chết, số lượng tôm chết, kết luận của cơ quan chức năng về nguyên nhân tôm chết..), nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị B về việc yêu cầu ông Vũ Thanh T phải bồi thường thiệt hại cho bà Dương Thị B với số tiền là 100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 09/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Thanh T và bà Nguyễn Kim B1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự:

Án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị B được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí (đã được miễn dự nộp).

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu gia đình ông Vũ Thanh T chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà B khôi phục lại bờ đất mà ông T đã thuê xáng cuộc phá bỏ.

Buộc ông Vũ Thanh T, bà Nguyễn Kim B1, chị Vũ Xuân T1, anh Vũ Sắc T2 phải chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà Dương Thị B đắp lại phần bờ đất có diện tích 2,14m² nằm trong một phần thửa 338, tờ bản đồ số 07 hộ ông Trần Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào theo hồ sơ địa chính xã N A thành lập năm 2009, có tứ cạnh như sau: *Hướng Đông giáp đất ông Vũ Thanh T có cạnh dài 1,65m; Hướng Tây giáp đất bà Dương Thị B có cạnh dài 3,71m; Hướng Nam giáp một phần thửa 363, tờ bản đồ số 07 do hộ ông Vũ Thanh T đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào, có cạnh dài 2,06m; Hướng Bắc giáp đất ông Vũ Thanh T, có cạnh dài 0,78m.*

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu gia đình ông Vũ Thanh T chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà B khôi phục lại bờ đất có diện tích 1,84m² nằm trong một phần thửa 363, tờ bản đồ số 07 do hộ ông Vũ Thanh T đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào theo hồ sơ địa chính xã N A thành lập năm 2009.

(Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp giữa bà Dương Thị B với ông Vũ Thanh T do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 03/02/2025 là bộ phận gắn liền với bản án).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu ông Vũ Thanh T phải bồi thường thiệt hại cho bà B số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị B phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 500.000 đồng. Ông Vũ Thanh T, bà Nguyễn Kim B1, chị Vũ Xuân T1, anh Vũ Sắc T2 phải cùng có trách nhiệm chịu chi phí tố tụng số tiền là 500.000 đồng.

Buộc ông Vũ Thanh T, bà Nguyễn Kim B1, chị Vũ Xuân T1, anh Vũ Sắc T2 phải cùng có trách nhiệm hoàn lại cho bà Dương Thị B số tiền chi phí tố tụng là 500.000 đồng.

5. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm : Buộc bà Nguyễn Kim B1, chị Vũ Xuân T1, anh Vũ Sắc T2 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị B được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Công Trí

Đinh Cẩm Đào

Đỗ Cao Khánh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh